

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày 13-11-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Quynh.
2. Bà Hoàng Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST – DS ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn T – Chuyên viên xử lý nợ - A AMC là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 37/2018/UQ – VPB ngày 03/4/2018 của Phó Giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ –A Hội sở). Có mặt.

** Bị đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Anh Lê Văn Q và Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương đã ký kết Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD ngày 13/6/2017 với số tiền cho vay là 200.000.000đồng, thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất trong hạn: 11.4%/năm cố định trong 12 tháng đầu. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn *“lãi suất thỏa thuận được tính là một năm là 360 ngày”*. Sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, ngày 14/06/2017 anh Lê Văn Q đã nhận đủ số tiền là 220.000.000 đồng.

Để đảm bảo tiền vay, anh Lê Văn Q và Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1705250062850/NTP/HĐTC ngày 13/6/2017, tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu JAC, số loại HFC1030K, số khung 42D4HB200447, số máy DA11H4010044, biển kiểm soát 74C – 062.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010458 do Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/6/2017 đứng tên chủ xe Lê Văn Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 11/9/2017, anh Lê Văn Q đã vi phạm nghĩa vụ định kỳ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại khoản 6 Điều 1 Khế ước nhận nợ lần 01/Số: LN1705250062805/NTP/HĐTD với dư nợ gốc hiện tại là 213.888.000đồng và lãi suất tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày 13/11/2018 là 38.951.470đồng (lãi trong hạn còn phải trả là 37.513.722đồng và lãi quá hạn còn phải trả là 1.437.748đồng).

Ngày 14/6/2017, anh Lê Văn Q và Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương tiếp tục ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền vay vốn/hạn mức thấu chi số tiền 31.000.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 16/6/2020; phương thức trả nợ: Niên kim đều (*trả nợ gốc và lãi với mức lãi suất cố định 24%/năm trong suốt kỳ hạn vay, định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 14 hàng tháng*), lãi suất trong hạn 24%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất được quy đổi một năm là 360 ngày). Ngày 16/6/2017 anh Lê Văn Q đã nhận đủ số tiền 31.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 16/6/2017 định kỳ hàng tháng anh Quang đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho đến ngày 15/11/2017 thì vi phạm nghĩa vụ định kỳ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng với dư nợ gốc hiện tại là 28.061.662đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/11/2017 đến ngày 13/11/2018 là 8.766.186đồng (trong đó lãi trong hạn còn phải trả là 8.370.224đồng và lãi quá hạn còn phải trả là 395.962đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Văn Q phải trả tổng cộng số tiền 280.086.726đồng theo các Hợp đồng tín dụng nói trên. Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận cho đến ngày anh Quang trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu anh Lê Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu anh Lê Văn Q phải bàn giao tài sản đã thế chấp là 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu JAC, số loại HFC1030K, số khung 42D4HB200447, số máy DA11H4010044, biển kiểm soát 74C – 062.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe

ô tô số 010458 do Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/6/2017 đứng tên chủ xe Lê Văn Q theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1705250062850/NTP/HĐTC ngày 13/6/2017 để phát mại tài sản thế chấp nhằm thu hồi nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Lê Văn Q không có mặt theo văn bản tố tụng của Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 203 BLTTDS. Cụ thể trong vụ án này, bị đơn cố tình vắng mặt, không có phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh địa chỉ, sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 BLTTDS. Kết quả bị đơn vẫn đang sinh sống tại nơi cư trú. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuy nhiên còn có sự vi phạm về việc thực hiện chậm giao nộp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa, xét thấy:

Về hợp đồng thứ nhất cho thấy: Tại Điều 2 của hợp đồng quy định về “lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác” thể hiện “tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày” là vi phạm, trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146 BLDS là “một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày”, đã gây thiệt hại cho bị đơn. Ngoài ra trong hợp đồng tín dụng không quy định tính lãi phạt chậm trả nhưng tại “bảng kê tính lãi” thể hiện việc tính lãi phạt chậm trả.

Về hợp đồng thứ hai, Ngân hàng A và ông Lê Văn Q là hợp đồng có thời hạn vay 36 tháng. Ngân hàng tính lãi 24%/năm, lãi suất quá hạn là 36%/năm là trái với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Ngoài ra trong hợp đồng không có điều khoản nào thể hiện trách nhiệm trả nợ gốc và lãi hàng tháng, không quy định về chậm trả lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp không thể hiện bị đơn vi phạm điều khoản nào trong hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ.

Nhận thấy tại phiên tòa, nguyên đơn chưa thể bổ sung tài liệu, chứng cứ và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 259 BLTTDS, đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa, yêu cầu nguyên đơn tính lại lãi suất của các khoản vay theo đúng quy định, tiếp tục cung cấp chứng cứ để có cơ sở giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A giao nộp các tài liệu, chứng cứ là (*bản sao, chứng thực*) gồm: Hợp đồng cho vay; Giấy đăng ký vay tiêu dùng; Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm; Hợp đồng thế chấp xe ô tô; Khế ước nhận nợ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Văn bản ủy quyền; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; Giấy CMND mang tên Lê Văn Q; Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân; Bảng kê chi tiết lãi. Bị đơn anh Lê Văn Q không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Văn Q nhưng không thực hiện được vì lý do anh Quang vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về nên đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Quang vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn Q.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, HĐXX thấy: Ngày 13/6/2017, Ngân hàng A - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương và anh Lê Văn Q đã ký kết Hợp đồng cho vay LN1705250062850/NTP/HĐTD với nội dung ký kết gồm 14 Điều. Trong đó Điều 1: Số tiền cho vay là 220.000.000đồng, thời hạn cho vay là 72 tháng; Điều 2. Lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác (khoản 4 Điều 2. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn); Điều 3. Biện pháp bảo đảm tiền vay; Điều 4. Trả nợ gốc, lãi tiền vay; Điều 7. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và xử lý nợ và nhiều điều khoản thỏa thuận khác. Ngày 14/6/2017 anh Quang đã nhận đủ số tiền 220.000.000đồng.

Theo Khế ước nhận nợ lần 01/Số: LN1705250062805/NTP/HĐTD ngày 14/6/2017 tại khoản 5 Điều 1. "*Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11.4%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương thức tính lãi quy định tại Hợp đồng với một năm là 360 ngày; từ tháng 12 trở đi (từ ngày 14/6/2018) sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm*". Tại khoản 6 Điều 1. Thỏa thuận các kỳ trả nợ gốc và lãi: định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 12.

Đến ngày 14/6/2017, anh Lê Văn Q và Ngân hàng A - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Nguyễn Tri Phương tiếp tục ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền vay vốn/hạn mức thấu chi số tiền 31.000.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 16/6/2020; phương thức trả

nợ: Niên kim đều, lãi suất 24%/năm. Ngày 16/6/2017 anh Lê Văn Q đã nhận đủ số tiền 31.000.000đồng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 4 Luật thương mại thì các hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với các Điều 463 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD đến ngày 11/9/2017, anh Quang đã vi phạm nghĩa vụ định kỳ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại khoản 6 Điều 1 Khế ước nhận nợ lần 01/Số: LN1705250062805/NTP/HĐTD và điểm b khoản 1 Điều 7 Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD ngày 13/6/2017.

Theo phương thức thỏa thuận là “*Niên kim đều*” tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử 14/6/2017 nhưng các bên không thỏa thuận rõ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi được xác định là định kỳ theo tháng, quý hay năm? nhưng ý chí các bên thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ được xác định là định kỳ theo tháng. Cụ thể: sau khi xác lập hợp đồng thứ hai, quá trình thực hiện anh Quang đã tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 14 hàng tháng cho đến ngày 15/11/2017 thì vi phạm nghĩa vụ định kỳ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu khởi kiện thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi trước thời hạn đối với các Hợp đồng cho vay nói trên là có căn cứ quy định tại khoản 1, 5 Điều 466; khoản 1 Điều 404 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95, 96 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 cần được chấp nhận.

Đối với thỏa thuận cách tính lãi “*quy đổi một năm là 360 ngày*” nhưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146 BLDS và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận mức lãi suất theo thỏa thuận được quy đổi áp dụng cho 365 ngày.

Đối với thỏa thuận lãi suất trong hạn 24%/năm và yêu cầu trả mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất cho vay theo hợp đồng thứ hai vì trong hợp đồng không có thỏa thuận. HĐXX thấy: việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn mặc dù không có thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp theo khoản 5 Điều 466 BLDS nhưng đã vượt quá mức giới hạn lãi suất cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015. Tuy nhiên, bị đơn anh Quang không đề nghị xem xét và không có ý kiến về mức lãi suất nên HĐXX không xem xét giải quyết và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nhưng kiến nghị với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cần kiểm tra hoạt động cho vay của các Ngân hàng hiện nay và hướng dẫn áp dụng lãi suất cho phù hợp.

Vì vậy buộc anh Quang phải trả cho Ngân hàng số tiền là **246.527.089đồng** (trong đó gốc còn phải trả là 213.888.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày 13/11/2018 gồm lãi trong hạn còn phải trả là 29.433.918đồng và lãi quá hạn còn phải trả là 3.205.171đồng) phát sinh từ Hợp đồng cho vay LN1705250062850/NTP/HĐTD ngày 13/6/2017 và

37.157.586đồng (trong đó gốc còn phải trả là 28.061.662đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/11/2017 đến ngày 13/11/2018 gồm lãi trong hạn còn phải trả là 6.697.895đồng và lãi quá hạn còn phải trả là 2.398.029đồng) phát sinh từ Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2017.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng A buộc anh Lê Văn Q phải giao tài sản đã thế chấp để phát mãi tài sản nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ vay của anh Lê Văn Q tại Ngân hàng bao gồm:

Khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay ngày 13/6/2017, HĐXX xét thấy: Sau khi bên nhận thế chấp là Ngân hàng A - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Nguyễn Tri Phương và bên thế chấp là anh Lê Văn Q đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1705250062850/NTP/HĐTC ngày 13/6/2017, tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu JAC, số loại HFC1030K, số khung 42D4HB200447, số máy DA11H4010044, biển kiểm soát 74C – 062.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010458 do Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/6/2017 đứng tên chủ xe Lê Văn Q. Điều 2. Nghĩa vụ được bảo đảm và thời hạn thế chấp “...bảo đảm cho việc thực hiện Toàn bộ nghĩa vụ của Bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD ngày 13/6/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên thế chấp và Bên ngân hàng bao gồm cả các phụ lục...” và hợp đồng đã được Văn phòng Công chứng Phạm Văn Khánh chứng thực; Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận việc đăng ký thế chấp và Thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông cùng ngày 13/6/2017 để đảm bảo cho Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD ngày 13/6/2017. Vì vậy, hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Nay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD và thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp là 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu JAC, số loại HFC1030K, số khung 42D4HB200447, số máy DA11H4010044, biển kiểm soát 74C – 062.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010458 do Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/6/2017 đứng tên chủ xe Lê Văn Q không thỏa thuận được nên yêu cầu của Ngân hàng A buộc anh Lê Văn Q phải giao tài sản đã thế chấp nêu trên để phát mãi tài sản thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 299, khoản 7 Điều 323 BLDS 2015 nên cần chấp nhận.

Đối với việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2017, HĐXX thấy đây là nghĩa vụ phát sinh trong tương lai nhưng các bên không thỏa thuận cụ thể về phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm và thời hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là không đúng theo quy định tại Điều 294 BLDS 2015. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu buộc anh Lê Văn Q phải giao tài sản đã thế chấp nêu trên để phát mãi tài sản thu hồi nợ phát sinh từ

Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2017.

Đối với ý kiến về việc tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát vì lý do yêu cầu nguyên đơn tính lại lãi suất của các khoản vay theo đúng quy định, tiếp tục cung cấp chứng cứ để có cơ sở giải quyết vụ án là không có căn cứ do tại phiên tòa nguyên đơn trình bày không thể cung cấp thêm với các tài liệu chứng cứ mới bổ sung.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc:

Anh Lê Văn Q phải chịu 14.184.233 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.452.357 đồng theo Biên lai số AA/2014/0007127 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại; khoản 2 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 294, khoản 1 Điều 404, Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466 BLDS 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Lê Văn Q phải trả cho Ngân hàng A:

- Số tiền là **246.527.089 đồng** (trong đó gốc còn phải trả là 213.888.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày 13/11/2018 gồm lãi trong hạn còn phải trả là 29.433.918 đồng và lãi quá hạn còn phải trả là 3.205.171 đồng). Trong trường hợp anh Lê Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu JAC, số loại HFC1030K, số khung 42D4HB200447, số máy DA11H4010044, biển kiểm soát 74C – 062.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010458 do Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/6/2017 đứng tên chủ xe Lê Văn Q để thu hồi nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN1705250062850/NTP/HĐTD ngày 13/6/2017.

- Số tiền là **37.157.586 đồng** (trong đó gốc còn phải trả là 28.061.662 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/11/2017 đến ngày 13/11/2018 gồm lãi trong hạn còn phải trả là 6.697.895 đồng và lãi quá hạn còn phải trả là 2.398.029 đồng). Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp là 01 (một) xe ô tô số LN 1705250062850/NTP/HĐTC ngày 13/6/2017, tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu JAC, số loại HFC1030K, số khung 42D4HB200447, số máy DA11H4010044, biển kiểm soát 74C – 062.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe

ô tô số 010458 do Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/6/2017 đứng tên chủ xe Lê Văn Q để thu hồi nợ phát sinh từ Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/6/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn Q phải chịu 14.184.233 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.452.357 đồng theo Biên lai số AA/2014/0007127 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa.

Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/11/2018). Anh Lê Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương